

Số 669 -CV/ĐU

Về tuyên truyền Quy hoạch tổng thể quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Thực hiện Hướng dẫn số 94-HD/BTGTU ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ban Tuyên giáo Thành ủy về hướng dẫn tuyên truyền Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đảng bộ, chi bộ cơ sở thực hiện tuyên truyền như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Làm cho cán bộ, đảng viên và đội ngũ nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của việc Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là QHTTQG) đối với sự phát triển đất nước nói chung, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng trong giai đoạn tới, từ đó tham gia tích cực, trách nhiệm vào quá trình triển khai QHTTQG, đồng thuận cùng với chính quyền các cấp trong xử lý những vấn đề phát sinh.

- Nâng cao vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền, trách nhiệm người đứng đầu trong việc chỉ đạo triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện QHTTQG tại cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách, bảo đảm sự thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

- Tuyên truyền QHTTQG gắn với tuyên truyền các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội hàng năm, tiến độ triển khai các chương trình, dự án quan trọng quốc gia, các quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, quy hoạch của thành phố, các quy hoạch của địa phương; góp phần giám sát việc thực hiện, bảo đảm thống nhất với QHTTQG.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Ý nghĩa, mục đích, tầm quan trọng, cơ sở khoa học của Quy hoạch tổng thể quốc gia, tập trung làm sâu sắc những nội dung sau

- QHTTQG là sự cụ thể hóa đường lối Đại hội lần thứ XIII của Đảng, cụ thể hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), các nghị quyết chuyên ngành của Trung ương, nhất là Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Kế hoạch 5 năm và Chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030.

- QHTTQG là nhiệm vụ chính trị quan trọng có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, lâu dài, nhưng cũng là vấn đề rất rộng lớn, rất mới, rất khó, rất nhạy cảm và chưa có tiền lệ; là quy hoạch được xây dựng với quy mô lớn, mang tính chiến lược, bao trùm mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội và được lập cho 10 năm, thể hiện “Tư duy mới - Tầm nhìn mới - Cơ hội mới - Giá trị mới”; là căn cứ pháp lý, công cụ quan trọng giúp Nhà nước hoạch định, kiến tạo động lực, không gian phát triển, bảo đảm tính kết nối

đồng bộ giữa quy hoạch cấp quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của đất nước để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- QHTTQG mở ra cơ hội phát triển mới, động lực phát triển mới để đạt mục tiêu, khát vọng mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định, đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Việc hiện thực QHTTQG trên thực tiễn sẽ góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nâng cao khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế; bảo đảm những mục tiêu chiến lược, lâu dài, bền vững trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- QHTTQG được xây dựng xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn nhằm tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế trong phát triển và tổ chức không gian phát triển đất nước thời gian qua và phù hợp với xu thế phát triển của quốc tế. Quá trình lập Quy hoạch tổng thể quốc gia được thực hiện theo đúng quy trình của Luật Quy hoạch, đã huy động sự tham gia của các bộ, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu, các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước... tổ chức nhiều hội thảo khoa học, hội nghị tham vấn các tổ chức quốc tế và tham khảo kinh nghiệm quốc tế; được hoàn thiện trên cơ sở nghiêm túc tiếp thu Kết luận số 45-KL/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Những nội dung cơ bản của Quy hoạch

2.1. Tuyên truyền 5 quan điểm phát triển, cụ thể

- Phát triển bao trùm, nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Phát huy tối đa lợi thế của quốc gia, vùng, địa phương; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

- Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực, mục tiêu của sự phát triển; mọi chính sách đều phải hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của người dân; coi văn hóa là trụ cột trong phát triển bền vững, lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích

ứng, chống chịu của nền kinh tế. Phải hình thành năng lực sản xuất quốc gia để tham gia hiệu quả, cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu. Phát huy nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài, là yếu tố quyết định; ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng, đột phá.

2.2. Tuyên truyền 5 quan điểm về tổ chức không gian phát triển, cụ thể

- Không gian phát triển quốc gia phải được tổ chức hiệu quả, thống nhất trên quy mô toàn quốc, bảo đảm liên kết nội vùng, liên vùng, khu vực và quốc tế gắn với khai thác lợi thế so sánh của quốc gia, từng vùng, từng địa phương trong vùng nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, nguồn nhân lực chất lượng cao và các tiềm năng, lợi thế khác cho phát triển để hình thành vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, tạo hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy kinh tế cả nước phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, đồng thời, có cơ chế, chính sách, nguồn lực phù hợp với điều kiện của nền kinh tế để bảo đảm an sinh xã hội, cung cấp các dịch vụ công cho các khu vực khó khăn, đặc biệt là dịch vụ về y tế, giáo dục, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển với các địa bàn thuận lợi.

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và các loại khoáng sản; bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức không gian phát triển quốc gia, các vùng, hành lang kinh tế, hệ thống đô thị phải gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại và phát triển hài hòa khu vực đô thị, nông thôn.

- Tổ chức không gian phát triển quốc gia phải gắn kết giữa khu vực đất liền với không gian biển; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả không gian ngầm, vùng biển, vùng trời. Khai thác hiệu quả tài nguyên số, không gian số. Chú trọng việc kết nối các hành lang kinh tế trong nước với các hành lang kinh tế của khu vực và quốc tế. Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

2.3. Tuyên truyền tầm nhìn đến năm 2050

- Là nước phát triển, thu nhập cao, có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; quản trị xã hội trên nền tảng xã hội số hoàn chỉnh. Nền kinh tế vận hành theo phương thức của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng chủ yếu. Việt Nam thuộc nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu khu vực châu Á; là một trung tâm tài chính khu vực và quốc tế; phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái giá trị cao thuộc nhóm hàng đầu thế giới. Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, một trung tâm kinh tế biển của khu

vực châu Á - Thái Bình Dương; tham gia chủ động, có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực về biển và đại dương.

- Người dân được hưởng thụ các dịch vụ xã hội chất lượng cao; hệ thống an sinh xã hội bền vững; dịch vụ trợ giúp xã hội đa dạng và chuyên nghiệp, kịp thời hỗ trợ và bảo vệ các đối tượng dễ bị tổn thương. Các giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc được giữ gìn, phát huy, thống nhất trong đa dạng; công nghiệp văn hóa phát triển mạnh, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa có thương hiệu, uy tín và tầm ảnh hưởng trong, khu vực và quốc tế.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng hiệu quả với nước biển dâng và tác động của biến đổi khí hậu. Các vùng phát triển hài hòa, bền vững, khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh.

- Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, kiến trúc tiêu biểu, giàu bản sắc, xanh, văn minh, hiện đại, thông minh. Xây dựng được ít nhất 5 đô thị ngang tầm quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới đô thị khu vực và quốc tế.

- Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

- Môi trường có chất lượng tốt, xã hội hài hòa với thiên nhiên, phát triển hiệu quả theo hướng cac-bon thấp; phấn đấu nhanh nhất đạt mục tiêu giảm phát thải ròng của quốc gia về "0" vào năm 2050. Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai tương đương với các nước phát triển.

- Giai đoạn 2031 - 2050, phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân khoảng 6,5 - 7,5%/năm. Đến năm 2050, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 27.000 - 32.000 USD, tỷ lệ đô thị hóa đạt 70 - 75%, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt từ 0,8 trở lên, đời sống của người dân hạnh phúc, quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

2.4. Mục tiêu tổng quát và các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Mục tiêu tổng quát: Phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, tăng trưởng kinh tế dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; mô hình tổ chức không gian phát triển quốc gia hiệu quả, thống nhất, bền vững, hình thành được các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, có mạng lưới kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, hiện đại; bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế; bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh nguồn nước; môi trường sinh thái được bảo vệ, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển toàn diện nguồn nhân lực, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên.

- Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

+ Về kinh tế: phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP cả nước bình quân đạt khoảng 7,0%/năm giai đoạn 2021 - 2030. Đến năm 2030, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD. Tỷ trọng trong GDP của khu vực dịch vụ đạt trên 50%, khu vực công nghiệp - xây dựng trên 40%, khu vực nông, lâm, thủy sản

dưới 10%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 6,5%/năm. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt trên 50%.

Phát huy lợi thế của từng vùng kinh tế - xã hội: tập trung phát triển 2 vùng động lực phía Bắc và phía Nam gắn với 2 cực tăng trưởng là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, hành lang kinh tế Bắc - Nam, hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp lớn vào phát triển chung của đất nước.

Phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới; tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%; phân đầu từ 3 - 5 đô thị ngang tầm khu vực và quốc tế. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững và gắn với đô thị hóa; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 90%, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP.

+ Về xã hội: duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh có 2,1 con); quy mô dân số đạt khoảng 105 triệu người. Chỉ số HDI duy trì ở mức trên 0,7. Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%. Nâng cao chất lượng việc làm, giữ tỷ lệ thất nghiệp ở mức hợp lý. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt 32 m². Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8 - 10 m². Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 16 - 26%.

Phát triển nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực thuộc nhóm 10 quốc gia có hệ thống giáo dục đại học tốt nhất châu Á. Tỷ lệ sinh viên đại học đạt 260 trên 1 vạn dân. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.

Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực. Phát triển mạng lưới cơ sở y tế quốc gia đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe toàn dân, hướng tới mục tiêu công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Đến năm 2030, đạt 35 giường bệnh và 19 bác sĩ trên 1 vạn dân; tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 15%.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các lĩnh vực đời sống xã hội. Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa. Phân đầu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: trung tâm văn hóa hoặc trung tâm văn hóa - nghệ thuật, bảo tàng và thư viện.

+ Về môi trường: tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%; nâng cao chất lượng rừng, tăng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên: bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn đạt 3 triệu ha.

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%, trong đó tỷ lệ xử lý thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn đạt khoảng 50%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp giảm còn 10% so với lượng chất thải được thu gom; tỷ lệ tái chế rác thải hữu cơ đạt 100% ở đô thị và 70% ở nông thôn. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 98%, trong đó tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%. Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 70%. Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong các ngành, lĩnh vực để phấn đấu nhanh nhất đạt mục tiêu giảm phát thải ròng của quốc gia về “0” vào năm 2050.

+ Về phát triển kết cấu hạ tầng: hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng quốc gia, bao gồm các trục giao thông đường bộ Bắc - Nam (đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, một số đoạn của đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây, đường ven biển), các trục giao thông Đông - Tây quan trọng, phấn đấu có khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc; các cảng biển cửa ngõ có chức năng trung chuyển quốc tế, các cảng hàng không quốc tế lớn, các tuyến đường sắt kết nối với các cảng biển lớn, đường sắt đô thị: phấn đấu xây dựng một số đoạn đường sắt tốc độ cao trên tuyến Bắc - Nam; phát triển hạ tầng năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng thủy lợi, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Giảm thiểu chi phí logistics.

+ Về quốc phòng, an ninh: bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2.5. Nhiệm vụ trọng tâm trong thời kỳ quy hoạch

- Hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng quốc gia, tập trung vào hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng nông thôn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng văn hóa, xã hội, hạ tầng thủy lợi, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở nâng cao năng suất, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn, gắn với không gian phát triển mới;

- Phát triển các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia quan trọng để hình thành các đầu tàu dẫn dắt sự phát triển của quốc gia. Lựa chọn một số địa bàn, đô thị, vùng có lợi thế đặc biệt để xây dựng trung tâm kinh tế, tài chính, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế cao. Đồng thời có cơ chế, chính sách, nguồn lực phù hợp để bảo đảm an sinh xã hội và từng bước phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới, hải đảo, góp phần ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng, an ninh;

- Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông - Tây, các vành đai kinh tế ven biển; kết nối hiệu quả các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, đầu mối giao thương lớn, các đô thị, trung tâm kinh tế, cực tăng trưởng; kết nối hiệu quả với các hành lang kinh tế của khu vực và thế giới. Phát triển các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại các vùng động lực, vùng đô thị lớn.

2.6. 13 định hướng phát triển, gồm: Phân vùng kinh tế - xã hội, định hướng phát triển và liên kết vùng; phát triển các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia; phát triển các hành lang kinh tế; các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, vùng hạn chế phát triển; phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia; phát triển không gian biển; khai thác và sử dụng vùng trời; phát triển và phân bố không gian các ngành quan trọng; phát triển hạ tầng xã hội cấp quốc gia; phát triển hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia; sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia; sử dụng đất quốc gia.

2.7. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch, nhất là các giải pháp về huy động vốn đầu tư; cơ chế, chính sách; khoa học, công nghệ và môi trường; phát triển nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế.

3. Kết quả thực hiện QHTTQG ở các bộ, ngành, địa phương; nhất là hiệu quả hoạt động của các mô hình tổ chức, cơ chế điều phối vùng, hoạt động điều phối vùng; cơ chế phối hợp nguồn lực giữa các địa phương, nguyên tắc ưu tiên sử dụng không gian biển cho các ngành, lĩnh vực trong quy hoạch không gian biển quốc gia...

4. Quá trình nghiên cứu, kết quả xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, bảo đảm nguồn lực tài chính, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong QHTTQG; thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng chính sách, phản biện khoa học và giám sát quá trình thực hiện chính sách, pháp luật.

5. Phản ánh thực tiễn triển khai QHTTQG ở các bộ, ngành, địa phương; lan tỏa cách làm hay, bài học kinh nghiệm tốt trong quá trình triển khai; phê phán những cá nhân, đơn vị, địa phương thiếu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, gây lãng phí, trì trệ, ảnh hưởng chung đến QHTTQG và quy hoạch của bộ, ngành, địa phương.

6. Nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong quá trình triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, các nhiệm vụ thực hiện QHTTQG; kịp thời chỉ đạo định hướng tư tưởng, dư luận khi có những vấn đề phức tạp nảy sinh, nhất là những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, đất đai, môi trường, các vấn đề về văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh, dân tộc, tôn giáo, đời sống của Nhân dân khi phải di dời khỏi nơi sinh sống...

7. Đẩy mạnh tuyên truyền đối ngoại về tình hình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trong quá trình triển khai QHTTQG; việc thực hiện các dự án, đề án, chương trình có liên quan đến yếu tố đầu tư nước ngoài trong quá trình triển khai QHTTQG;

phản bác những luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch về công tác quy hoạch.

III. HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

- Thông qua các hội nghị của cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, hội nghị báo cáo viên, hội nghị sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của ngành, cơ quan, đơn vị.

- Tuyên truyền thông qua bản tin thông báo nội bộ, đội ngũ báo cáo viên, truyền truyền viên cơ sở...

- Tuyên truyền trên Internet, mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube, VNet...) bằng các hình thức phù hợp như video, clip, bài viết, biểu ngữ, tin nhắn...

- Thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hội thi tìm hiểu về các hoạt động phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Đảng ủy Sở

- Hướng dẫn tuyên truyền, cung cấp tài liệu nội dung tuyên truyền; chỉ đạo, định hướng tuyên truyền, đưa nội dung tuyên truyền vào thông tin sinh hoạt chi bộ, tài liệu báo cáo viên.

- Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và đội ngũ để kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề bức xúc, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

2. Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc

- Lãnh đạo đơn vị tuyên truyền, tổ chức triển khai, phổ biến đến cán bộ, đảng viên, giáo viên và người lao động về các nội dung trên; chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội của cán bộ, đảng viên và đội ngũ trước những tác động khi triển khai Quy hoạch, nhất là những quy hoạch liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân; kịp thời định hướng, chấn chỉnh những tư tưởng, dư luận xã hội trái chiều; qua đó tham mưu giúp Đảng ủy Sở xử lý và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh, góp phần hạn chế những khiếu kiện, khiếu nại.

Trên đây là hướng dẫn tuyên truyền Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị các đơn vị tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Các đảng bộ, chi bộ cơ sở,
- Ban Tuyên giáo Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Huỳnh Long